

Bản án số:09/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 08.10.2019

*“V/v yêu cầu ly hôn và giải
quyết về con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Long và bà Ngô Thị Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đình S, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan* : Cháu Trần Đình T , sinh ngày 04/12/2002.

Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. *Người đại diện cho cháu Thắng:* chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 (mẹ đẻ cháu Thắng).

Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. *Người làm chứng:*

5.1. Ông Trần Đình N, sinh năm 1943(vắng mặt);

5.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947 (vắng mặt);

5.3. Cháu Trần Đình T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Đều ĐKKHKT: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5.4. Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/4 /2019 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là anh Trần Đình S yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B là hai người cùng xã, kết hôn trên cơ sở tự nguyện , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân La ngày 12/02/1996. Vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh một năm thì bố mẹ anh ra ở chỗ khác , vợ chồng vẫn tiếp tục sinh sống trên thửa đất của bố mẹ anh cho. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do anh và c hị B không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết công việc gia đình nhưng hai bên vẫn k hắc phục bỏ qua cho nhau . Từ tháng 3/2016 đến nay, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng , nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, chị B nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ với người khác đã có những hành động làm ảnh hưởng đến công việc và uy tín của anh , từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng . Do quá bức xúc với thái độ của chị B , tháng 8/2016 anh đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Kim Động yêu cầu giải quyết cho anh và chị B ly hôn, sau khi được cán bộ Tòa án động viên nên vợ chồng về chung sống với nhau nhưng chị B vẫn tiếp tục nghi ngờ anh có quan hệ với người khác và có hành động, lời nói xúc phạm làm tổn thương anh, anh và chị B ly thân, tháng 9/2018 anh S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Kim Động yêu cầu cho anh được ly hôn và giải quyết con chung. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và hòa giải để anh và chị B về để đoàn tụ, nuôi dạy con chung. Tuy tình cảm vợ chồng không còn nhưng thương các con nên anh S đã rút đơn khởi kiện mục đích để vợ chồng về đoàn tụ và nuôi dạy con chung . Sau khi Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án , anh và chị B không giải quyết được mâu thuẫn nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng , hai bên không còn trách nhiệm với nhau và gia đình của nhau nữa . Anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được , nếu kéo dài tình trạng hôn nhân này sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống và công việc của cá nhân anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B và không tiến hành hòa giải vụ án nữa vì anh vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Về con chung : Vợ chồng anh có 02 con chung là : Trần Đình T , sinh ngày 21/4/1997 và Trần Đình T , sinh ngày 04/12/2002. Hiện nay cháu T đã thành niên , không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, anh xin được nuôi cháu và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản : Vợ chồng anh có tài sản chung gồm : Nhà đất tại thôn Giang , xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên do chị B đang quản lý và 01 xe ô tô do anh đang quản lý. Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân La ngày 12/02/1996. Vợ chồng chung sống bình thường đến ngày 09/3/2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn , nguyên nhân do chị nhận được cuộc điện thoại của một người đàn ông nói anh S có quan hệ bất chính với vợ của anh ấy tại một nhà nghỉ nhưng anh S không thừa nhận , vợ chồng chị cãi nhau nhưng sau đó vẫn chung sống bình thường. Khoảng tháng 7/2016 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do anh S nói phải có trách nhiệm với người phụ nữ mà anh S đang quan hệ và bảo chị để anh lấy người phụ nữ này làm vợ hai vì người phụ nữ này đã ly hôn chồng , nhưng chị không đồng ý nên anh S và chị ly thân . Khoảng tháng 8/2016 anh S đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S ly hôn chị, do uất ức chị đã tự tử nhưng không thành, anh S đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng về tiếp tục chung sống với nhau . Tuy nhiên, chị và anh S chỉ chung sống với nhau được khoảng 08 tháng thì chị và anh S lại ly thân nhau nhưng vẫn ở chung một nhà. Tháng 5/2018 anh S chuyển đi nơi khác ở và tháng 8/2018 anh S lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S ly hôn chị, Tòa án thụ lý vụ án , chị xin được đoàn tụ, anh S xin rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã ra quyết định đình chỉ vụ án . Sau khi anh S rút đơn khởi kiện , tình cảm giữa chị và anh S không được cải thiện, anh S vẫn ở nơi khác, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được cho nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải nữa vì có hòa giải cũng không mang lại kết quả gì . Nếu anh S đồng ý chuyển quyền toàn bộ tài sản là nhà đất tại Thôn G, xã N cho ba mẹ con chị và chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho con chung của vợ chồng là cháu T và cháu T thì chị nhất trí ly hôn . Nếu anh S không chuyển quyền sở hữu số tài sản trên theo yêu cầu của chị thì chị không nhất trí ly hôn.

Về con chung : Vợ chồng chị có hai con chung như anh S đã trình bày trên . Cháu T đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, do hiện nay chị không có điều kiện nuôi dạy cháu nên chị nhất trí để anh S nuôi cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chị nhất trí . Chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị và anh S có tài sản chung sau : Nhà và đất tại thôn G , xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên , chị là người đang quản lý ; 01 chiếc ô tô do anh S đang quản lý. Chị tự nguyện để anh S thực hiện việc thỏa thuận với chị về tài sản , chị không yêu cầu Tòa án giải quyết . Nếu sau này anh S và chị không thỏa thuận được với nhau thì chị sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản sau.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Trần Đình T trình bày:

Trước đây bố, mẹ cháu không có mâu thuẫn gì. Khoảng từ tháng 3/2016 trở lại đây thì bố, mẹ cháu phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân do bố cháu có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác cho nên dẫn đến việc bố mẹ cháu cãi nhau , xúc phạm lẫn nhau, tình cảm bố mẹ cháu ngày càng lạnh nhạt . Cháu không có căn cứ cụ thể chứng minh bố cháu có quan hệ bất chính với người khác , nhưng cháu nghe và nhìn thấy bố cháu chở người phụ nữ này đi bằng xe ô tô của bố cháu. Khoảng tháng 8/2016 bố cháu làm đơn đến Tòa án xin ly hôn mẹ cháu , sau đó bố cháu rút đơn và bố mẹ cháu tiếp tục chung sống với nhau bình thường nhưng cháu thấy bố cháu vẫn gặp gỡ người phụ nữ đó . Tháng 8/2018 bố cháu lại tiếp tục làm đơn ly hôn mẹ cháu, sau khi Tòa án thụ lý vụ án bố cháu lại rút đơn , nhưng bố cháu không về chung sống với mẹ mà mỗi người vẫn sống một nơi . Từ tháng 8/2018 bố cháu không quan tâm, trách nhiệm với mẹ cháu và phía ông, bà ngoại cháu, mẹ cháu vẫn có trách nhiệm với bên ông bà nội . Cháu xác định mâu thuẫn giữa bố cháu và mẹ cháu đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng nhưng không đến mức không thể tiếp tục về chung sống với nhau nữa , cháu thấy bố mẹ cháu có thể về chung sống với nhau . Nếu có căn cứ giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn , cháu xin được ở với mẹ cháu vì cháu hiện nay đang ở với mẹ.

* Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình N (bố, mẹ anh S), chị Nguyễn Thị Bích L (em gái chị B) trình bày: Anh S và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện , có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân La và có con chung như anh S và chị B trình bày . Quá trình chung sống anh S và chị B có phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông N và bà L thì anh S và chị B chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng tự giải quyết được . Chị B có nhiều cư xử thiếu lễ độ với ông bà nhưng ông bà vẫn vun vén cho anh S và chị B , mong các con chung sống hạnh phúc. Chị B ngày càng có những hành động không tôn trọng ông bà. Ông bà xác định nguyên nhân mâu thuẫn của anh S và chị B là do cách sống của chị B. Chị B cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh S có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, mà mâu thuẫn chủ yếu bắt nguồn từ việc vợ chồng anh S tát ao cách đây khoảng 04 năm đến 05 năm nay, anh S cho bà n bẻ cá, chị B đã chửi anh S. Cách đây khoảng 03 năm, anh S có cho em trai anh S một bộ bàn ghế sa lông, chị B đã chửi và xúc phạm anh S. Từ những mâu thuẫn như vậy, tình cảm giữa anh S và chị B lạnh nhạt dần và ly thân cách đây khoảng 03 năm. Ông bà đã

khuyến can để anh S và chị B về chung sống với nhau nhưng cả hai không thay đổi. Nay anh S và chị B ly hôn hay tiếp tục chung sống với nhau là do anh S và chị B quyết định.

Theo chị L thì anh S và chị B có mâu thuẫn do nguyên nhân gì chị không biết. Chị chỉ nghe chị B nói lại là anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau. Anh S quan hệ bất chính với ai chị không biết. Tháng 8/2018 anh S làm đơn ly hôn chị B, sau đó anh S rút đơn. Sau khi Tòa án đình chỉ vụ án anh S và chị B có về chung sống với nhau hay có mâu thuẫn gì hay không chị không biết. Chị B có nói với chị, vợ chồng chị B vẫn mâu thuẫn là do anh S vẫn có quan hệ bất chính với người phụ nữ trước đây.

Cháu Trần Đình T trình bày: Bố mẹ cháu sinh được cháu và em trai cháu là Trần Đình T, hiện nay cháu đã trưởng thành, em trai cháu ở với mẹ cháu. Việc bố cháu có đơn ly hôn đến Tòa án cháu không biết nhưng sau đó cháu có biết sự việc. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ cháu, cháu được nghe mọi người nói lại là do bố cháu có người phụ nữ khác nhưng cháu không biết sự việc này đúng hay sai, từ những sự việc như vậy đã dẫn đến việc bố mẹ cháu không tìm được tiếng nói chung. Bố mẹ cháu mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2016, nhưng tự giải quyết được và chung sống với nhau bình thường. Đầu năm 2018 bố mẹ cháu tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bố đã bỏ đi khỏi nhà và ly thân với mẹ cháu và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bố cháu ly hôn mẹ cháu, sau đó bố cháu lại rút đơn khởi kiện nhưng bố mẹ cháu không gặp gỡ nhau. Theo cháu nhận thấy bố cháu không còn tình cảm với mẹ cháu, mẹ cháu còn tình cảm với bố cháu. Mẹ cháu đã dùng nhiều biện pháp để bố cháu quay trở lại nhưng biện pháp của mẹ cháu phản tác dụng dẫn đến mâu thuẫn giữa bố mẹ cháu ngày càng trầm trọng hơn. Bố cháu hiện nay không còn trách nhiệm gì với mẹ cháu và gia đình bên ngoại. Cháu thấy bố mẹ cháu đều không hạnh phúc và mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng nếu để bố mẹ cháu chung sống với nhau có thể bố mẹ cháu có những thay đổi để kéo dài đời sống chung. Cháu mong muốn bố mẹ cháu về đoàn tụ. Bố cháu kiên quyết xin ly hôn, đó là quyền của bố cháu. Cháu không có tài sản chung với bố mẹ cháu.

* Ủy ban nhân dân xã Nhân La cung cấp: Anh S và chị B kết hôn và có con chung như anh S và chị B trình bày. Quá trình chung sống anh S và chị B có mâu thuẫn hay không địa phương không biết. Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B và giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh S, chị B có tài sản hay không địa phương không biết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là anh Trần Đình S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B và đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Trần Đình T, sinh ngày 04/12/2002 đến khi cháu T thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu

Trần Đình T, sinh ngày 21/4/1997, hiện nay cháu đã thành niên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đúng quy định của pháp luật, thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, phạm vi và nguyên tắc xét xử. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình S.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình S được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

+ Về con chung: Giao cho anh S nuôi con chung của vợ chồng là cháu Trần Đình T, sinh ngày 04/12/2002, đến khi cháu T thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

+ Về tài sản: không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị B, cháu T và những người làm chứng là ông N, bà L, cháu T hợp lệ. Tại phiên tòa, chị B, cháu T và những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị B, cháu T và những người làm chứng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân La ngày 12/02/1996. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng , nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chị B cho rằng anh S có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh S đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho anh được ly hôn chị B và giải quyết về con chung , sau khi được Tòa án hòa giải , động viên

nên anh S đã rút đơn khởi kiện mục đích để vợ chồng về tiếp tục chung sống, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh S và chị B đã sống ly thân, không còn trách nhiệm với nhau nữa. Anh S và chị B đều xác định tình cảm không còn. Anh S xin ly hôn chị B. Chị B nhất trí ly hôn nếu anh S đồng ý chuyển quyền toàn bộ tài sản là nhà đất tại Thôn G, xã N hiện nay ba mẹ con chị đang ở cho ba mẹ con chị và chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho con chung g của vợ chồng là cháu T và cháu T, nếu anh S không chuyển quyền sở tài sản trên theo yêu cầu của chị thì chị không nhất trí ly hôn. Xét thấy, anh S và chị B mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho anh S ly hôn chị B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh S, chị B có hai con chung là Trần Đình T, sinh ngày 21/4/1997 và Trần Đình T, sinh ngày 04/12/2002. Hiện nay cháu T đã thành niên, anh S, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, anh S xin được nuôi cháu và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B nhất trí.

Xét thấy, mặc dù cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị B nếu anh S và chị B ly hôn, nhưng chị B cho rằng hiện nay chị không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Anh S và chị B đã tự nguyện thỏa thuận để anh S nuôi cháu T, chị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc thỏa thuận của anh S và chị B về việc người trực tiếp nuôi cháu T đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu T. Vì vậy, giao cho anh S được nuôi cháu T đến khi cháu T thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Anh S và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình S được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đình S nuôi con chung của vợ chồng 1 à cháu Trần Đình T, sinh ngày 04/12/2002, đến khi cháu T thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị Bốn cấp dưỡng nuôi con. Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: không đặt ra giải quyết

5. Về án phí: Anh Trần Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001575 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh S đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Nhân La;
- VKSND huyện Kim Động;
- VKSND tỉnh;
- THA huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh